

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DSPT
Ngày 07/3/2018
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các thẩm phán: Ông Ngô Xuân Ninh và Ông Nguyễn Anh Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2017/QĐPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tài H, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Q, Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Tiến Quyền, Luật sư Công ty TNHH Luật Quỳnh Như, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 62 đường Ng, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1970. (có mặt)

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Q, Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh do ông Hoàng Minh X, Chủ tịch UBND huyện là đại diện theo pháp luật. Ông X ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường tham gia tố tụng. (Có đơn xin xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Do ông Nguyễn Hải Tr, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật. Ông Tr ủy quyền cho ông Nguyễn Khắc Th, Phó chủ tịch UBND xã tham gia tố tụng. (Có đơn xin xử vắng mặt)

3. Ban quản lý thôn: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh do ông Nguyễn Viết L, Trưởng thôn đại diện tham gia tố tụng. (Có đơn xin xử vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963. (ủy quyền cho ông H)

5. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1989. (ủy quyền cho ông H)

6. Anh Nguyễn Tài H4, sinh năm 1989. (ủy quyền cho ông H)

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tài H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2015 (BL: 44-46) và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là ông Nguyễn Tài H trình bày:

Năm 2004 thực hiện chủ trương thu hồi một số diện tích đất nông nghiệp để làm đất giãn dân cho các hộ dân ở thôn G, xã P, huyện Q. Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành các quyết định số 1875/QĐ-CT ngày 20/10/2004 và Quyết định số 2300/QĐ-CT ngày 21/12/2004 để thu hồi và giao đất. Gia đình ông cũng bị thu hồi đất nông nghiệp và được tiêu chuẩn được giao đất ở giãn dân đợt này, ông đã làm đơn xin cấp đất và đã được lãnh đạo thôn, xã thông qua để cấp đất. Ngày 20/10/2006, gia đình ông đã được bàn giao lô đất số 648 có diện tích 100m², có tứ cận hướng Đông giáp đường thôn dài 21,2m; hướng Tây giáp nhà ông Nguyễn Thừa T1 có độ dài 21,2m; hướng Nam giáp đường QL18 dài 4,74m; hướng Bắc giáp rãnh nước dài 4,75m. Việc bàn giao đất này do Ủy ban nhân dân xã P giao và được lập thành văn bản có chữ ký con dấu của UBND xã P do ông Nguyễn Văn H5 là Chủ tịch UBND xã thời kỳ bấy giờ ký bàn giao.

Theo ông H để được bàn giao lô đất này gia đình ông đã phải nộp cho địa phương số tiền 22.012.000 đồng theo các phiếu thu với số tiền cụ thể như sau; Phiếu thu ngày 25/01/2005 với số tiền 11.912.000 đồng; Phiếu thu ngày 1/8/2005 với số tiền 10.000.000 đồng và phiếu thu ngày 19/5/2005 với số tiền 100.000 đồng.

Do lô đất này vợ chồng Anh Nguyễn Quang H1, Chị Nguyễn Thị T sử dụng nên sau khi được bàn giao đất gia đình ông có tiến hành làm móng, làm rào chắn thì bị phía vợ chồng Anh H1, Chị T cản trở không cho xây dựng. Nay ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng Anh H1, Chị T phải trả lại cho vợ chồng ông quyền sử dụng lô đất này.

Chứng cứ để ông H bảo vệ cho yêu cầu của mình là bản sao các quyết định số 1875/QĐ-CT và quyết định 2300/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện Q; Biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 và 03 phiếu thu tiền của thôn G.

Phía bị đơn Anh Nguyễn Quang H1, Chị Nguyễn Thị T do Anh H1 đại diện trình bày: Ngày 16/5/1992, bố Anh H1 là ông Nguyễn Quang N có mua lại của ông Nguyễn Tài Th1 là người cùng thôn một thửa đất có một mặt đường giáp đường 18 và một mặt đường giáp với đường vào thôn G. Thửa đất mua của ông Th1 có diện tích 107m², có chiều dài 25m và chiều rộng 4,3m, khi mua bố anh và ông Th1 có viết giấy tờ mua bán, có xác nhận của thôn và xã thời kỳ bấy giờ. Sau khi mua ông N đã cho vợ chồng anh sử dụng diện tích đất này để ở và bán hàng. Cùng thời điểm đó thì vợ chồng cũng đồng thời san lấp thung vũng và sử dụng một phần đất ở hướng Tây so với thửa đất mà bố anh cho sử dụng, thửa đất này bên kia bờ kênh N36 và giáp với thửa đất mà bố anh mua của ông N. Vợ chồng anh đã sử dụng thửa đất này từ đó đến năm 2002. Năm 2002, địa phương tiến hành mở rộng đường vào thôn G, phần đường mở rộng này nằm vào phần đất mà bố anh mua của ông Th1 và cho vợ chồng anh sử dụng. Khi đó do địa phương không có kinh phí để bồi thường nên đã cho phép vợ chồng anh tiếp tục sử dụng phần diện tích đất ở liền kề mà vợ chồng anh đã làm công trình phụ từ năm 1992 và coi như việc bồi thường thửa đất mà bố anh mua của ông T1 (thửa đất này theo hồ sơ địa chính hiện nay có số thửa 1114, tờ bản đồ số 33 đất thôn G). Sau đó vợ chồng anh tiếp tục sử dụng phần đất này ổn định đến khi có tranh

chấp với ông H vào năm 2007. Nay Anh H1 xác định việc vợ chồng anh sử dụng thửa đất số 1114, tờ bản đồ số 33 đất khu dân cư thôn G, xã P đã từ năm 1992 đến năm 2002 địa phương đã bồi thường từ thửa đất bố anh mua của ông Th1. Năm 2004, khi thực hiện dự án đất giãn dân phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã không tiến hành việc thu hồi hay có bất cứ một thủ tục hành chính nào để thu hồi diện tích đất mà vợ chồng anh đang sử dụng. Phía Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành giao đất cho ông H trùng vào phần diện tích mà vợ chồng anh đã sử dụng ổn định từ trước đó nên anh không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông H. Chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của anh là giấy chuyển nhượng đất giữa ông Th1 cho ông N đối với diện tích đất đã bị thu hồi mở rộng đường thôn và việc vợ chồng anh đã sử dụng ổn định thửa đất số 1114 từ năm 1992 cũng như việc đổi đất năm 2002 đã được chính quyền địa phương xác nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Tài H4 trình bày: Bà và anh chị nhất trí với ý kiến trình bày của ông H. Yêu cầu Anh H1, chị T phải trả lại đất cho gia đình bà và anh chị.

Ban quản lý thôn G do ông Nguyễn Viết L trưởng thôn đại diện trình bày: Năm 2004, khi thực hiện dự án giãn dân dịch vụ ở xã P trong đó có thôn G, phía chính quyền thôn G có họp và ra nghị quyết về việc này. Một nội dung của nghị quyết là nhà ai bị thu hồi đất nông nghiệp ở vị trí nào thì được cấp đất ở ở vị trí đó. Tại thời điểm đó phía gia đình nhà ông H cũng bị thu hồi một diện tích đất ở cạnh đường QL18 nhưng vị trí đó lại trùng vào quy hoạch đường đi của thôn, theo nghị quyết của thôn thì gia đình ông H sẽ được cấp một thửa đất có vị trí 1 có hai mặt đường là mặt đường thôn và mặt đường 18 và cấp vào đất của tập thể quản lý chứ không lấy vào đất tiêu chuẩn của hộ nào. Phía nhà ông H do đã nộp đủ các khoản tiền nên được địa phương cấp giao cho lô đất mà vợ chồng Anh H1, Chị T đang sử dụng vì địa phương cho rằng vợ chồng Anh H1 sử dụng đất lấn chiếm. Nay hai bên có tranh chấp phía địa phương đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

UBND xã P trình bày: Từ năm 1992, vợ chồng Anh H1, Chị T đã sử dụng thửa đất mặt đường đường QL18 giáp đường đi vào thôn G. Nguồn gốc thửa đất

này là do ông Nguyễn Quang N là bố đẻ Anh H1 mua lại của ông Nguyễn Tài Th1 là người cùng thôn sau đó cho vợ chồng Anh H1 sử dụng. Năm 2002, khi thôn G tiến hành mở rộng đường vào thôn có mở vào phần đất này, do thôn không có tiền bồi thường nên đã nhất trí để vợ chồng Anh H1 dịch chuyển vào phần đất phía tây cạnh kênh N36 là đất tập thể quản lý và Anh H1 đã sử dụng thửa đất từ đó đến nay. Trong quá trình vợ chồng Anh H1 sử dụng đất, đến năm 2004 địa phương có thực hiện dự án đất giãn dân tại thôn G. Khi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân xã P đã giao cho nhà ông H được lô đất số 648 trùng với thửa đất mà vợ chồng Anh H1 đang sử dụng. Tuy nhiên, thửa đất nhà Anh H1 đang sử dụng chưa được thu hồi và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cũng như các tài sản trên đất. Khi giao đất cho nhà ông H vào vị trí đó thì cũng chưa giải phóng mặt bằng. Việc nhà ông H được giao đất vào vị trí đó là do việc làm sai của Trưởng thôn G, đã tự ý giao cho ông H biên bản giao đất và việc này sau đó UBND xã đã có chỉ đạo thu hồi nhưng gia đình ông H không nộp lại. Nay quan điểm của UBND xã là tiếp tục kiến nghị thu hồi biên bản giao đất đã giao cho ông H.

UBND huyện Q trình bày: Việc tranh chấp đất giữa ông H với vợ chồng Anh H1, Chị T đã xảy ra từ lâu và đã được các cơ quan nhà nước giải quyết nhưng chưa có kết quả. Phía cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền cũng đã tìm giải pháp để giải quyết ổn thỏa, đảm bảo quyền lợi hai bên tranh chấp nhưng các đương sự không chấp nhận. Qua xem xét việc tranh chấp phía Ủy ban huyện thấy rằng, việc UBND xã P giao đất cho hộ ông H lô đất số 648 theo giấy bản giao đất ngày 20/10/2006 là không đúng thẩm quyền về việc giao đất theo quy định của Luật đất đai. Mặt khác, điều kiện để giao đất cho hộ ông H đối với lô đất này là chưa đủ điều kiện vì đất chưa được giải phóng mặt bằng, khi đó vợ chồng Anh H1 đã có tài sản gắn liền với lô đất này. Phía UBND huyện cũng có ý kiến về việc sử dụng đất của hộ Anh H1, Chị T cũng chưa đủ căn cứ pháp lý vì theo như trình bày thì thửa đất thuộc lô số 648 không phải là thửa đất mà ông N mua lại của ông Th1. Phía UBND huyện đề nghị Tòa án hòa giải, nếu các bên thỏa thuận được thì phía UBND huyện sẽ tạo điều kiện để giao đất theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ vào căn cứ các khoản 4, khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Khoản 2 Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 49, 50, 51, 52, 53 của Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử;

1. Bác yêu cầu khởi kiện đòi thừa đất số 1114, tờ bản đồ số 33 đất thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (lô đất số 648 theo biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 của UBND xã P cho hộ ông H) của ông Nguyễn Tài H đối với vợ chồng Anh Nguyễn Quang H1, Chị Nguyễn Thị T.

2. Tạm giao thừa đất số 1114, tờ bản đồ số 33 đất thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (lô đất số 648 theo biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 cho hộ ông H) cho vợ chồng Anh H1, Chị T quản lý sử dụng. Anh H1, Chị T được liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện trình tự, thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2017, ông Nguyễn Tài H có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Tài H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau giải quyết vụ án.

Các đương sự trình bày:

[1] Ông Phạm Tiến Quyền, Luật sư Công ty TNHH Luật Quỳnh Như, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: ông đưa ra chứng cứ để bảo vệ cho yêu cầu của nguyên đơn là bản sao các quyết định số 1875/QĐ-CT và quyết định 2300/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện Q; Biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 và 03 phiếu thu tiền của thôn G, cụ thể là: Phiếu thu ngày 25/01/2005 với số tiền 11.912.000 đồng; Phiếu thu ngày 1/8/2005 với số tiền 10.000.000 đồng và phiếu thu ngày 19/5/2005 với số tiền 100.000 đồng. Do vậy, ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng Anh H1, Chị T phải trả lại cho nguyên đơn quyền sử dụng lô đất này.

[2] Ông Nguyễn Tài H trình bày: ông nhất trí với ý kiến của luật sư và đề nghị Tòa án buộc vợ chồng Anh H1, Chị T phải trả lại cho ông quyền sử dụng lô đất này.

[3] Anh Nguyễn Quang H1, Chị Nguyễn Thị T do Anh H1 đại diện trình bày: Anh chị bác bỏ toàn bộ ý kiến kiện đòi đất của phía nguyên đơn. Anh chị vẫn bảo lưu những ý kiến, quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa đưa ra quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật, quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án và xem xét về nội dung kháng cáo: Thấy rằng, thực hiện các Quyết định số 1875/QĐ- CT ngày 20/10/2004 và Quyết định số 2300/QĐ – CT ngày 21/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giao đất ở cho nhân dân thuộc thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Phía UBND xã P và chính quyền thôn G đã tiến hành các bước để thực hiện các quyết định của Chủ tịch UBND huyện. Hộ gia đình ông Nguyễn Tài H cũng là một trong số các hộ bị thu hồi đất và được cấp đất ở theo các quyết định của Chủ tịch UBND huyện Q. Để được sử dụng thửa đất, ông H đã nộp tiền vào thôn G có các phiếu thu: Phiếu thu ngày 25/01/2005 nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất với số tiền 11.912.000 đồng; Phiếu thu ngày 01/8/2005 tiền vị trí ô mặt đường 18 công đình với số tiền 10.000.000 đồng và Phiếu thu ngày 15/9/2005 tiền làm sổ đỏ và thuê trước bạ giãn dân với số tiền 100.000 đồng. Sau khi đóng tiền nhà ông H đã được bàn giao lô đất số 648 theo Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Q. Việc bàn giao lô đất đã có biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 của xã P. Tuy nhiên thửa đất ông H được cấp lại là thửa đất mà vợ chồng Anh Nguyễn Quang H1, Chị Nguyễn Thị T đang sử dụng và theo hồ sơ địa chính là thửa đất số 1114, tờ bản đồ thôn G, xã P. Theo Anh H1, Chị T thì vợ chồng anh chị có được bố anh cho sử dụng thửa đất có vị trí mặt đường 18 và cạnh đường chính vào thôn G (do bố anh mua lại của ông Nguyễn Tài Th1. Năm 2002, thôn G mở rộng đường vào thôn có lấy vào toàn bộ phần đất mà vợ chồng Anh H1, Chị T đang sử dụng, khi

đó địa phương do không có tiền bồi thường cho vợ chồng Anh H1 nên đã nhất trí để Anh H1, Chị T sử dụng thửa đất ở bên cạnh hướng Tây và dịch lùi về hướng Bắc và ở bên kia kênh N36 so với thửa đất bị thu hồi. Coi như địa phương bồi thường cho vợ chồng Anh H1 do việc vợ chồng Anh H1 bị lấy đất làm đường. Tuy nhiên, Anh H1 Chị T chỉ có lời khai mà không có tài liệu chứng cứ về việc được giao thửa đất này. Hơn nữa, thôn và xã cũng không có thẩm quyền để giao đất cho Anh H1 Chị T mà phải do UBND huyện. Việc cơ quan Nhà nước chưa thu hồi đất của vợ chồng Anh H1 Chị T là lỗi của cấp chính quyền chứ không phải lỗi của gia đình ông H. Anh H1 và Chị T không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh thửa đất mang tên của anh chị mặc dù anh chị đã sử dụng thửa đất từ năm 2002. Việc Anh H1 Chị T xây dựng công trình trên đất là không đúng, chưa được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong khi đó ông H có đầy đủ quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày và việc Anh H1, Chị T đã sử dụng thửa đất từ năm 2002 để xác định thửa đất Anh H1 Chị T sử dụng là hợp pháp, trong khi đó không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện thửa đất của Anh H1 Chị T còn ông H có đầy đủ tài liệu chứng cứ hợp pháp xác định là thửa đất được cấp cho ông. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét, thẩm định thêm thửa đất đang tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tài H không đồng ý với Bản án sơ thẩm cho rằng gia đình ông đã nộp tiền và được giao đất theo đúng quy định Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thực hiện các Quyết định số 1875/QĐ-CT ngày 20/10/2004 và Quyết định số 2300/QĐ-CT ngày 21/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giao đất ở cho nhân dân thuộc thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Hộ ông Nguyễn Tài H là một trong các hộ bị thu hồi đất và được cấp đất ở. Hộ ông H đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định thể hiện tại các phiếu thu ngày 25/01/2005 nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất với số tiền 11.912.000 đồng; Phiếu thu ngày 1/8/2005 tiền vị trí ô mặt đường 18 công đình với số tiền 10.000.000 đồng; Phiếu thu ngày 15/9/2005 tiền làm sổ đỏ và thuế trước bạ giãn dân. Như vậy, hộ ông Nguyễn Tài H được cấp đất ở giãn dân theo quyết định số 1875/QĐ-CT ngày 20/10/2004 và Quyết định số 2300/QĐ-CT ngày 21/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện Q là đúng.

Ngày 20/10/2006, UBND xã P đã có biên bản giao đất cho hộ ông H theo biên bản bàn giao đất thì hộ ông H được giao lô đất số 648 có tứ cận phía Đông giáp đường thôn; phía Tây giáp đất của hộ ông Nguyễn Thừa Th; phía Nam giáp đường 18 và phía Bắc giáp rãnh nước. Tuy nhiên, xét việc giao đất cho hộ ông H thấy:

Lô đất số 648 (trên bản đồ là thửa đất số 1114, tờ bản đồ số 33) có nguồn gốc của ông Nguyễn Quang N là bố đẻ Anh H1 mua của ông Nguyễn Tài Th1 năm 1992 có xác nhận của Trưởng thôn G và UBND xã P. Sau khi ông N mua thửa đất này đã cho vợ chồng Anh H1 sử dụng. Năm 2002, thôn G mở rộng đường đã thu hồi phần đất này của Anh H1 và đền bù cho Anh H1 phần đất đang có tranh chấp là thửa số 1114, tờ bản đồ số 33, diện tích 100m².

Theo lời khai của ông Nguyễn Toàn Đ - nguyên cán bộ địa chính xã (nguyên cán bộ địa chính xã P năm 1992-1993; Trưởng thôn G năm 2002) xác nhận năm 2002 khi mở rộng đường vào thôn có thu hồi diện tích đất của vợ chồng Anh H1 đang sử dụng để mở rộng đường. UBND xã đã có chủ trương vận động gia đình Anh H1 giao đất và đồng ý cho vợ chồng Anh H1 sử dụng sang phần đất là thửa đất đang tranh chấp hiện nay coi như bồi thường cho Anh H1 (BL: 283).

Theo lời khai ông Nguyễn Văn B – Trưởng phòng TNMT là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Q xác nhận biên bản giao đất

ngày 20/10/2006 của UBND xã P cho hộ ông H là không đúng thẩm quyền. Về điều kiện giao đất thì thửa đất chưa đủ điều kiện để giao đất vì chưa giải phóng mặt bằng và thực tế hộ ông H1 đang sử dụng có tài sản gắn liền với thửa đất (BL:198).

Theo công văn số 78/CV-UBND ngày 17/12/2015 (BL:139) và công văn số 100/CV-UBND ngày 25/01/2016 (BL: 179-180) xác nhận biên bản giao đất ngày 20/10/2006 khi ký xong nhưng do chưa giải phóng mặt bằng và gia đình ông H1 đang có nhiều thắc mắc và gửi đơn ra xã nên xã không được giao mà phải thu hồi lại chờ giải phóng mặt bằng và giải quyết xong những khiếu kiện của gia đình ông H1 mới quyết định giao đất cho hộ ông H nhưng ông Th2 (Trưởng thôn G) không hiểu lý do gì đã giao cho ông H vào tháng 9/2007, khi Chủ tịch UBND xã phát hiện đã kiểm điểm và yêu cầu ông Th2 phải thu hồi biên bản giao cho ông H. UBND xã đã nhiều lần mời ông H đến để thu hồi biên bản giao đất nhưng gia đình không thực hiện.

Như vậy, việc giao đất cho hộ ông H không đúng thẩm quyền vi phạm Điều 37 Luật đất đai năm 2003; không đúng trình tự thủ tục quy định như khi giao đất cho hộ ông H chưa giải phóng mặt bằng, không giao đất trên thực địa. Khi giao biên bản giao đất cho hộ ông H thì hộ Anh H1 đang có ý kiến nhưng tháng 9 năm 2007 Trưởng thôn G đã giao cho hộ ông H biên bản giao đất là không đúng. Sau khi giao biên bản giao đất cho hộ ông H, UBND huyện Q đã chỉ đạo UBND xã P thu hồi biên bản giao đất và ngày 11/12/2007, ngày 03/12/2010 UBND xã P đã làm việc yêu cầu hộ ông H về việc thu hồi biên bản giao đất cho hộ ông H ngày 20/10/2006 nhưng hộ ông H không chấp hành. Mặt khác, đối với diện tích đất hộ Anh H1 đang sử dụng có các công trình trên đất nhưng khi thực hiện các quyết định thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng UBND huyện không thực hiện đúng trình tự thu hồi đất như không thu hồi phần diện tích đất Anh H1 đang sử dụng nên không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất cho vợ chồng Anh H1 theo quy định tại Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 24/4/1998 và Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ những nhận định trên, thấy việc giao đất cho hộ ông H không đúng trình tự, thẩm quyền Luật đất đai quy định, UBND xã P đã tiến hành thu hồi biên bản giao đất cho hộ ông H nhưng hộ ông H không chấp hành do đó bản án sơ thẩm bác yêu cầu của ông Nguyễn Tài H đòi lô đất số 648 theo biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 của UBND xã P cho hộ ông H là có căn cứ nên không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của ông H được.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Khoản 4, Khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Khoản 2 Điều 101; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 24/4/1998; Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Pháp lệnh về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tài H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Bác yêu cầu khởi kiện đòi thừa đất số 1114, tờ bản đồ số 33 đất thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (lô đất số 648 theo biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 của UBND xã P cho hộ ông H) của ông Nguyễn Tài H đối với vợ chồng Anh Nguyễn Quang H1, Chị Nguyễn Thị T.

2. Tạm giao thửa đất số 1114, tờ bản đồ số 33 đất thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (lô đất số 648 theo biên bản bàn giao đất ngày 20/10/2006 cho hộ ông H) cho vợ chồng Anh H1, Chị T quản lý sử dụng. Anh H1, Chị T được liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện trình tự, thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Tài H phải chịu 72.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. (Xác nhận ông H đã nộp số tiền 17.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04031 ngày 9/7/2015 và 300.000 đồng theo phiếu thu số 04869 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q). Ông H phải chịu

5.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản (*xác nhận ông H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Dũng